

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN  
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An  
Tên viết tắt: LAWACO  
Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An  
Điện thoại: 072.3825.114  
Fax: 072.3826.040  
Website: www.lawaco.com.vn

Người được ủy quyền CBTT: Võ Minh Thái

Chức danh: Trưởng Ban kiểm soát

Loại thông tin công bố:

Định kỳ     24h     72h     Theo yêu cầu     Khác

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2022

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/02/2023 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

**Long An, ngày 21 tháng 02 năm 2023**  
Người được Ủy quyền Công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



**Võ Minh Thái**

Phụ lục IV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 145.../BCCN

Long An, ngày 21 tháng 02 năm 2023

## **BÁO CÁO**

Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN
- Giấy CNĐKDN: số 1100101500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 02/12/2021.
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 73.200.000.000 (Bảy mươi ba tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường 4, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An
- Số điện thoại: 0272.3825.114
- Số Fax: 0272.3826.040
- Website: www.lawaco.com.vn
- Mã cổ phiếu: LAW
- Quá trình hình thành và phát triển

1956

Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước. Đây là tiền thân của Công ty Cấp nước Long An. Nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng

	ngày của người dân tại Tân An, chính quyền địa phương cho khai thác giếng cung Cấp nước sinh hoạt tại đây và thành lập thành Xí nghiệp Cấp nước.
1979	Do tình hình phát triển Thị xã Tân An nhu cầu nước sạch ngày một tăng cao, để đáp ứng nhu cầu cung cấp nước cho khu vực, Xí nghiệp Cấp nước tiến hành xây dựng trạm bơm nước, lấy nước từ sông Bảo Định, xử lý và cung cấp cho khu vực với công suất 8.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.
1992	Ngày 21/11/1992 UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 1186.UB.QĐ.92 đổi tên Xí nghiệp Cấp nước Long An thành Công ty Cấp nước Long An, trực thuộc Sở Xây dựng Long An.
2007	Căn cứ Nghị định số 95/2006/NĐ-CP ngày 08/09/2006 của Chính phủ về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH MTV và căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 08/05/2007 của UBND Tỉnh Long An về phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Cấp nước Long An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Toàn Công ty có công suất là 37.200 m <sup>3</sup> /ngày đêm, bao gồm sản lượng từ các Xí nghiệp: Xí nghiệp Cấp nước Tân An, Xí nghiệp Cấp nước Gò Đen, Xí nghiệp Cấp nước Bình Ảnh
2009	Ngày 23/02/2009, UBND Tỉnh Long An ban hành quyết định số 519/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Đến ngày 04/12/2009 và 10/11/2011, UBND Tỉnh Long An ra quyết định số 3193/QĐ-UBND và quyết định số 3577/QĐ-UBND để thay đổi thành viên ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Cấp nước Long An.
2013	Ngày 24/04/2013, Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An ra Quyết định số 1429/QĐ-UBND chuyển đổi loại hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An. Ngày 26/06/2013, Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An đã đấu giá 3.199.900 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phiếu, giá đấu thành công bình quân là 10.104 đồng/cổ phiếu. Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2013 với mức vốn Điều lệ đăng ký là 135 tỷ đồng (căn cứ Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An để cổ

	phần hóa); Vốn điều lệ thực góp là 113.505.614.984 đồng (căn cứ Biên bản số 2408/BB-STC thông qua Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An tại thời điểm ngày 30/09/2013).
2015	Căn cứ đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Long An tại Tờ trình số 175/TTr-STC ngày 15/01/2015 trên cơ sở đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước của Công ty, ngày 26/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quyết định số 285/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An. Ngày 23/04/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng. Ngày 15/05/2015, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Ngày 26/11/2015 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội ban hành Quyết định số: 787/QĐ-SGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu CTCP Cấp thoát nước Long An
2016	Ngày 30/06/2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 với mức Vốn điều lệ 122 tỷ đồng.
2021	Ngày 02/12/2021 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và phân tích các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước	7120
2	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh)	7490
3	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước	7410

4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; Thi công hệ thống cấp thoát nước	4299
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nước uống đóng chai	4669
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai	1104 (chính)
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước	4663
8	Dịch vụ khoan giếng	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
9	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: bán điện cho điện lực “trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân”	3512
10	Thu gom rác thải không độc hại	3811
11	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821

- Địa bàn kinh doanh: TP Tân An, huyện Thủ Thừa, huyện Bến Lức, huyện Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc, Xã Bình Tâm, Xã An Vĩnh Ngãi, Xã Hướng Thọ Phú, một phần của huyện Châu Thành và một số vùng lân cận.

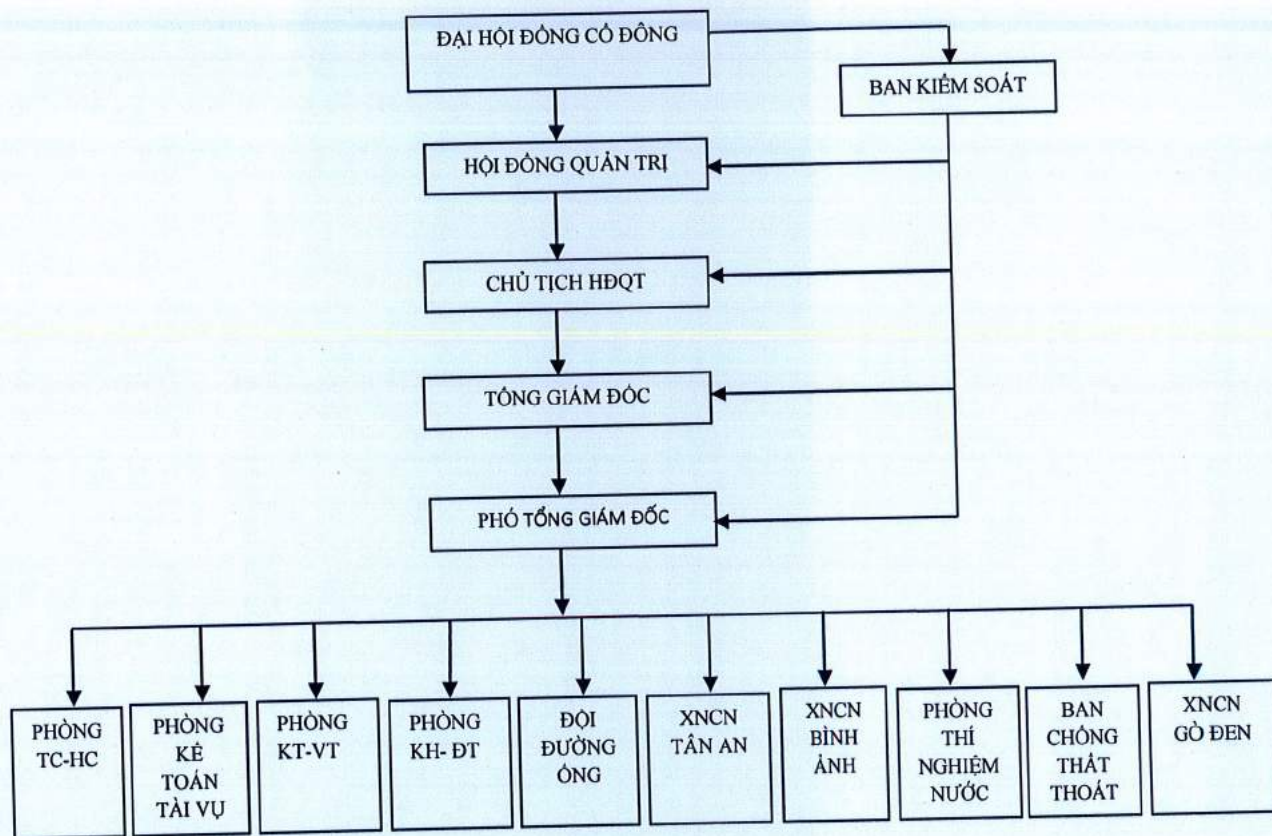
### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

\* Mô hình quản trị Công ty:

- Đại hội Đồng Cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát

- Chủ tịch HĐQT người đại diện theo pháp luật

\* Cơ cấu bộ máy quản lý



#### 4. Định hướng phát triển:

Cùng với việc định hướng phát triển của Công ty là đẩy mạnh cung cấp nước cho ngành sản xuất, Công ty triển khai đầu tư vào một số liên doanh để cung cấp nước cho một số khu vực đang phát triển các doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền tại Long An cũng hướng tới việc đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp thu hút đầu tư, tăng cường phát triển cho tỉnh

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ *Nâng cao hiệu quả quản lý*: Công ty áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001; 2015, hoàn thiện và luôn cập nhật những quy trình sản xuất, quy định về lề lối làm việc, định mức, chế độ trách nhiệm...

+ *Hoàn thiện công nghệ, kỹ thuật và xây dựng kế hoạch sản xuất tối ưu*:

Với đặc thù là Công ty cung cấp nước sạch và các sản phẩm, dịch vụ cho việc cung cấp nước sạch phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trên địa phận Long An,

Ngày 24/10/2018, Văn phòng Công nhận chất lượng Bộ khoa học và công nghệ ra Quyết định số: 537.2018/QĐ-VPCNCL về việc công nhận Phòng Thí nghiệm nước thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (LAWACO) phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005, phòng Thí nghiệm được mang số hiệu: VILAS 1159.

Trong năm 2020 Công ty hoàn thành việc chuyển đổi hệ thống quản lý của Phòng thí nghiệm nước từ tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 sang tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017;

Hoàn thành đăng ký mở rộng lĩnh vực thí nghiệm sinh tại phòng thí nghiệm nước theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017; cho 16 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh.

Hoàn thành công tác phối hợp kiểm tra giám sát chất lượng nước sau xử lý tại các Xí nghiệp trực thuộc;

Mở rộng phân tích thêm các chỉ tiêu AL, TSS phục vụ thêm công tác kiểm soát chất lượng nước sau xử lý;

Trong năm 2021 Phòng thí nghiệm đã phát triển thêm các chỉ tiêu:

+ Nhôm theo SMEWW3500-AI:2012

+ Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) theo SMEWW2540D:2012

Công ty có bộ phận chuyên kiểm tra về chất lượng nước và chất lượng đường dẫn, không ngừng nghiêm cứu, cập nhật trình độ công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Nguồn lực đáp ứng đủ yêu cầu phát triển Công ty:*

Phát huy truyền thống đoàn kết nội bộ, phát huy quy chế dân chủ cơ sở, sự phối hợp giữa Ban điều hành và các đoàn thể chính trị xã hội cơ sở chăm lo, tạo mọi điều kiện để người lao động làm việc thuận lợi, cống hiến và phát huy sức sáng tạo, tài năng của mình vì sự nghiệp phát triển Công ty.

### **- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Song song với công tác phát triển khách hàng ở những khu vực hiện hữu, Công ty đầu tư phát triển tuyến ống tại địa bàn mới như một số xã vùng sâu, vùng xa của huyện Bến Lức, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc.

Thực hiện các chiến lược về phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và xây dựng cơ cấu tổ chức để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu và vững mạnh trong ngành cấp nước tại Long An và khu vực, mang đến cho khách hàng sự hài lòng về sản phẩm nước sạch chất lượng cao và dịch vụ hoàn hảo.

Hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ để Công ty hoạt động đúng pháp luật, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý ISO 9001-2015.

### **- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty)**

- Giữ môi trường sản xuất sạch và xanh phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường.
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh trong sản xuất và kinh doanh.
- Tích cực tham gia các chương trình chăm lo đời sống cộng đồng, hỗ trợ giúp đỡ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

### **5. Các rủi ro:**

#### **5.1. Rủi ro kinh tế**

Giá bán nước sạch của Công ty do UBND tỉnh Long An quyết định, chưa được tính đúng, tính đủ, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu ... đầu vào của Công ty liên tục tăng nên yếu tố ảnh hưởng tới giá thành nước tăng sẽ mất nhiều thời gian, từ khi cần điều chỉnh giá bán nước sạch do các giai đoạn lập và trình các cấp có thẩm quyền quyết định và phê duyệt, làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của Công ty, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Cũng như các Doanh nghiệp khác hoạt động sản xuất trong ngành hàng tiêu dùng, sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu phát triển của LAWACO.

Trong năm 2022 bối cảnh thế giới có nhiều biến động khó lường, xung đột Nga - Ukraine kéo dài, cùng với tình hình dịch bệnh, thiên tai diễn biến phức tạp ... đã làm giá nhiều liệu tăng, giá lương thực, thực phẩm, vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lạm phát tăng cao phần nào đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và sinh hoạt



của người dân. Nền kinh tế Long An nói riêng và cả nước nói chung phải đối mặt với không ít rủi ro, nguy cơ, thách thức về lạm phát, thiếu nguyên liệu, vật liệu đầu vào, lao động việc làm, an sinh xã hội, an ninh, trật tự xã hội.

### **5.2. Rủi ro đặc thù**

Với đặc thù là đơn vị sản xuất cung cấp nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, Doanh nghiệp phải gánh chịu rủi ro đặc thù về vấn đề thất thoát trong quá trình cung cấp. Theo đó, việc giải quyết bài toán chống thất thoát là một thách thức không nhỏ đối với ban lãnh đạo và người lao động của Công ty. Tuy nhiên, việc giải quyết bài toán chống thất thoát nước sạch cũng là một nhiệm vụ chung của cả những người sử dụng.

Với công cụ sản xuất là hệ thống sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn đòi hỏi một nguồn chi phí lớn cho việc xây dựng, bảo quản và sửa chữa hệ thống này, trong khi chi phí của việc này là không nhỏ, phụ thuộc rất lớn vào thị trường nguyên vật liệu, đây cũng là một rủi ro mà doanh nghiệp gặp phải.

### **5.3. Rủi ro về môi trường**

Tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp tại khu vực đồng bằng Sông Cửu long nói chung và tỉnh Long An nói riêng đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng nguồn nước mặt và hiện tượng suy thoái, mực nước khai thác sâu hơn nhưng vẫn phải thực hiện chủ trương của UBND tỉnh về việc hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm, đưa nguồn nước ngầm vào dự trữ, tập trung khai thác nước mặt. Công ty cần nguồn vốn lớn để đầu tư chuyển đổi sang khai thác nước mặt, trong khi nguồn vốn tự có của Công ty còn nhiều hạn chế, nguồn vốn vay ưu đãi, vốn huy động khó tiếp cận gây ảnh hưởng đến công tác đầu tư, mở rộng, sửa chữa, nâng cao chất lượng phục vụ, cung cấp cho người dân theo chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng chung của ngành cấp nước.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong năm 2022

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	Đồng	231.300	245.134	106,3

Nước	Đồng	216.100	226.257	104,7
Đường ống	Đồng	15.000	19.328	128,9
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	13.860	15.355	110,8

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách ban điều hành:

**- Họ và tên: Phạm Quốc Thắng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật.**

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Số lượng cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38%VĐL

**- Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng – Chức vụ: Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5b Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phiếu, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22%VDL

- **Họ và tên: Lưu Văn Cần – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật - môi trường

+ Sở hữu cá nhân: 700 cổ phiếu, chiếm 0,006% VDL

- **Họ và tên: Nguyễn Quốc Phong – Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1977

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Châu Thành, Tiền Giang

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Tân Hội Đông, Châu Thành, Tiền Giang

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0272.3825.121

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 4.100 cổ phần, chiếm 0,03% VDL

- *Những thay đổi trong ban điều hành:*

+ Ông Võ Trung Cang - Tổng giám đốc nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ ngày

01/10/2022;

+ Ông Nguyễn Bảo Tùng – Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm phó tổng giám đốc từ ngày 01/11/2022)

+ Ông Nguyễn Bảo Tùng – Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/11/2022)

+ Ông Lưu Văn Cần – Phó tổng giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/11/2022)

- Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Thời điểm 31/12/2022	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	146	100
1	Trình độ đại học và sau đại học	50	34,3
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	32	21,9
3	Trình độ khác	64	43,8
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	146	100
1	Hợp đồng không thời hạn	134	91,8
2	Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	1	0,7
3	Hợp đồng có thời hạn	11	7,5

### - Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

#### a) Chính sách tiền lương, thưởng:

Công ty áp dụng hệ thống nhóm, bảng lương theo công việc mà công ty xây dựng cho từng chức danh công việc phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

#### b) Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty có cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo chuyên đề do Hội cấp nước Việt Nam, Hội cấp nước Miền Nam tổ chức để nâng cao trình độ, tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

#### c) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

- Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp thai sản, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho toàn thể nhân viên. Công ty mua Bảo hiểm con người 24/24 giờ cho toàn thể NLĐ trong Công ty với mức 10.000.000đ/người/năm. Hàng năm nâng lương đúng thời hạn cho người lao động v.v...

- Hàng năm Công ty có tổ chức cho toàn thể người lao động đi tham quan, nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB. CNV người lao động trong toàn Công ty.

#### - Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

STT	Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức	Hình thức
1	2020	4,236	Trả bằng tiền
2	2021	5,17	Trả bằng tiền
3	2022	6,07	Trả bằng tiền

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Đầu tư phát triển:

Trong năm 2022 công ty đã đầu tư được 09 công trình với giá trị 47.703 triệu đồng, bao gồm phát triển được 82km đường ống các loại từ D63-D315 góp phần mở rộng vùng phục vụ cấp nước của Công ty.

b. Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	307,382	327,159	+6,43
Doanh thu thuần	228,999	245,134	+ 7,05
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13,812	15,402	+ 11,51
Lợi nhuận khác	-325	-47	-85,54
Lợi nhuận trước thuế	13,486	15,355	+13,86
Lợi nhuận sau thuế	11,395	13,794	+21,05
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	55%	1

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
----------	----------	----------	-------------

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:			
+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn = Tài sản NH / Nợ ngắn hạn	0,48	0,41	-16,33
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSNH} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,22	0,17	-26,09
Chi tiêu về cơ cấu vốn :			
+ Hệ số nợ = Nợ phải trả/Tổng tài sản x100%	0,46	0,49	+6,52
+ Hệ số nguồn vốn chủ sở hữu = Nguồn vốn CSH/ $\Sigma$ nguồn vốn x100%	0,53	0,51	-3,77
Chi tiêu về năng lực hoạt động :			
+ Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	8,49	8,42	-0,82
+ Vòng quay vốn kinh doanh = Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân	0,75	0,77	+2,67
Các chỉ tiêu sinh lời:			
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ( ROE). Tỷ suất LN sau thuế trên VCSH = Lợi nhuận sau thuế/vốn CSHx100%	0,07	0,08	+0,14

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.200.000 (mười hai triệu hai trăm ngàn)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật: không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	130	12.200.000	122.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	128	347.560	3.475.600.000	2,85%
2	Cổ đông tổ chức	02			
	UBND tỉnh Long An		7.320.000	73.200.000.000	60%
	Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP		4.532.440	4.532.440.000	37,15%
II	Cổ đông ngoài nước	0	0	0	0%
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
Tổng cộng		130	12.200.000	122.000.000.000	100%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các loại chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguồn khai thác nước ngầm 10.489.000 m<sup>3</sup>

Nguồn nước mặt (tiếp nhận) 13.311.000 m<sup>3</sup>

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Sản phẩm nước sạch của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An được sản xuất từ nguồn nước ngầm thô như: Clo lỏng, vôi đều sử dụng trực tiếp không qua tái chế

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Nguồn năng lượng sử dụng trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là trực tiếp như: Điện

- Năng lượng điện dùng cho Sản xuất nước sạch: 2.179.617 KW/năm

- Năng lượng điện dùng gián tiếp cho văn phòng: 56.925 KW/năm (trong năm lượng điện sử dụng giảm là do: Công ty giảm sản xuất nước ngầm, tiếp nhận nước thành phẩm từ nhà máy DNP- Long An)

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã lắp đặt biến tần cho một số trạm bơm nước để sử dụng năng lượng có hiệu quả và hợp lý hơn;

- Lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời (solar) tại trạm cấp nước Lợi Bình Nhơn:

+ Số liệu điện năng solar phát ra trong 01 tháng khoảng 3.255kw tương ứng với số tiền là: 4,6 triệu đồng/tháng.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): không có

### 6.3. Tiêu thụ nước

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do đặc thù của Công ty là khai thác và cung cấp nước sạch, tuy nhiên do tình hình biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến nguồn nước mặt và hiện tượng suy thoái, mực nước ngầm khai thác sâu hơn nhưng vẫn phải thực hiện sự chỉ đạo của UBND tỉnh Long An về việc hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm, đưa nguồn nước ngầm vào dự trữ, chuyển dần sang khai thác nước mặt xử lý cung cấp cho người dân theo chỉ đạo của UBND tỉnh và định hướng chung của ngành cấp nước.

- Nguồn khai thác nước ngầm 10.489.000m<sup>3</sup>;

- Nguồn tiếp nhận nước mặt từ DNP: 13.311.000 m<sup>3</sup>;

- Lượng nước ghi thu: 21.685.000 m<sup>3</sup>

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Công ty đã đầu tư hệ thống thu hồi nước sau rửa lọc thành nước cấp cho XNCN Bình Ảnh, 1 tháng thu hồi được 30.000 m<sup>2</sup> đạt 10% lượng nước của Xí nghiệp Bình Ảnh phát ra trong 01 tháng.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b. Tổng số tiền do bị phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 146 người, mức lương trung bình: 15.773.000 đồng/người/tháng.



b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm Công ty có tổ chức cho CB CNV đi tham quan du lịch một lần và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Theo nhu cầu cụ thể của các phòng, ban, xí nghiệp trong công ty

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức, quản lý v.v...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, thăm tặng quà cho hộ nghèo nhân dịp Tết nguyên đán trên địa bàn TP Tân An, huyện Tân Trụ, Bến Lức, Thủ Thừa giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn đứng chân v.v...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so kế hoạch
Doanh thu	1000đ	231.300	245.134	106,3
Nước	1000đ	216.100	226.257	104,7
Đường ống	1000đ	15.000	19.328	128,9
Lợi nhuận trước thuế	1000đ	13.860	15.355	110,8

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao như: Sản lượng, doanh thu, nghĩa vụ với ngân sách.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản dài hạn:

+ Tỷ lệ % tài sản dài hạn cuối kỳ tăng 7,79% với tài sản dài hạn đầu kỳ, nguyên nhân: Trong năm tài sản đưa vào sử dụng SXKD được trích khấu hao 33 tỷ 145 triệu đồng, tài sản dài hạn tăng 46 tỷ 852 triệu đồng. Để đáp ứng có nguồn nước sạch phục vụ cho vùng nông thôn theo chỉ đạo của UBND tỉnh Long An, Công ty đã cân đối nguồn chủ yếu mở rộng mạng lưới cung cấp nước và đưa vào sử dụng với giá trị TSCĐ hơn 44 tỷ đồng, chi phí XD CB chưa đưa vào tài sản hơn 27 tỷ đồng. TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 68 tỷ 724 triệu đồng. Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 01/01/2022 và ngày 31/12/2022 lần lượt là 244,135 tỷ đồng; 257,842 tỷ đồng.

+ Tỷ lệ % tài sản ngắn hạn cuối kỳ giảm 2,20% so với tỷ lệ % tài sản ngắn hạn đầu kỳ, nguyên nhân: Trong năm Công ty đã thanh toán một số các khoản nợ khách hàng của năm trước, số dư nợ còn phải thu đến 31/12/22 hơn 6 tỷ đồng. Vì vậy tỷ lệ % của tài sản ngắn hạn cuối kỳ giảm so với tỷ lệ tài sản ngắn hạn đầu kỳ.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tỷ lệ % nợ phải trả cuối kỳ tăng 11% nợ phải trả đầu kỳ do:

+ Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn cuối kỳ tăng 15,41% so với đầu kỳ, gồm:

\* Phải trả cho người bán ngắn hạn tăng : 23 tỷ 333 triệu đồng

\* Người mua trả tiền trước tăng : 1 tỷ 853 triệu đồng

\* Vay và nợ ngắn hạn giảm 11 tỷ 336 triệu đồng

\* Các khoản phải trả ngắn hạn khác giảm : 217 triệu đồng

\* Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 444 triệu đồng

\* Phải trả người lao động giảm : 2 tỷ 983 triệu đồng

+ Các khoản phải trả dài hạn cuối kỳ tăng 4,41% so với đầu kỳ, gồm:

\* Vay và nợ dài hạn tăng : 3 tỷ 144 triệu đồng

\* Phải trả dài hạn khác giảm: 611 triệu đồng

+ Vốn chủ sở hữu tăng 2,45% trong đó: Quỹ đầu tư phát triển tăng 4 tỷ 037 triệu đồng

Trong năm 2022 Công ty đã trả nợ vay dài hạn các năm trước khi đến hạn 11 tỷ 235 triệu đồng. Vay dài hạn để mở rộng sản xuất 11 tỷ 964 triệu đồng. Số liệu báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty kiểm toán Vaco phân tích, các khoản nợ phải trả của Công ty đều trong tầm kiểm soát có khả năng thanh toán và không có phát sinh nợ xấu.

- Chỉ tiêu thanh toán: Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty ổn định rất khả quan, bảo đảm khả năng trả nợ của Công ty khi đến hạn.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:

Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực về vốn và tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản cố định được sử dụng và khai thác triệt để. Các khoản nợ, vật tư và tài sản khác quản lý theo quy định của nhà nước, quy chế, quy định của Công ty.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn và tài sản:

Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực về vốn và tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản cố định được sử dụng và khai thác triệt để. Các khoản nợ, vật tư và tài sản khác quản lý theo quy định của nhà nước, quy chế, quy định của Công ty.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường công tác quản lý sản xuất kỹ thuật, chất lượng sản phẩm vì đây là một trong những yếu tố sống còn của Doanh nghiệp.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, triệt để thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

- Đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ quản lý, kiến thức đáp ứng nhu cầu sản xuất - kinh doanh. Quản lý và sử dụng lao động linh hoạt, hợp lý trên cơ sở khối lượng công việc hiện có. Thay đổi hợp lý chế độ trả lương để nó thực sự trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kỷ luật lao động nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao tinh thần ý thức trách nhiệm của cán bộ. Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Với thế mạnh trong ngành sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng, LAWACO sẽ vẫn tiếp tục phát huy tiềm lực sẵn có bên cạnh mở rộng thêm một số lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa sản phẩm và phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể:

Duy trì ổn định lượng khách hàng tại địa phương Tỉnh Long An...

Mở rộng thêm một số khu vực địa phương lân cận (Tiền Giang, một phần TP.HCM...)

Tăng cường đầu tư vào việc phát triển khách hàng sản xuất, trong đó tập trung tại các khu công nghiệp đang có chiều hướng mở rộng tại tỉnh Long An.

Song song với cải tiến công tác quản lý, LAWACO cũng sẽ ra sức tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác kiểm tra nội bộ và công tác cán bộ, xây

dựng một đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực hoạt động, sử dụng và phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: ((không có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Cty:

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất năm 2022 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua, các chỉ tiêu của UBND tỉnh Long An giao cho công ty thực hiện, công ty đã hoàn thành vượt mức thi công lắp đặt các công trình cấp nước.

Công ty hoạt động ổn định, đảm bảo cấp nước liên tục, chất lượng đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Bên cạnh kết quả về sản xuất kinh doanh đạt được, công ty nói riêng và ngành nước nói chung đang đứng trước những thách thức, khó khăn về số lượng và chất lượng nước nguồn. Nhất là hiện nay công ty giảm khai thác nguồn nước ngầm, theo chỉ đạo của các Bộ, ngành liên quan.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:*

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều hành công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty.

Công ty thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.

Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động.

Ban điều hành thực hiện họp giao ban 1 lần/ tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Các thành viên trong Ban điều hành hoàn thành chức trách, nhiệm vụ theo sự phân công, có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện nhiệm vụ

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đầu tư tài chính vào mạng lưới tuyến ống để cấp nước an toàn, ổn định.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân lành nghề. Đảm bảo đời sống, thu nhập, việc làm cho người lao động. Tăng sự gắn bó của người lao động đối với Công ty.

4. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2022: (đính kèm phụ lục số III)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật	Thành viên điều hành
2	Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên điều hành, miễn nhiệm từ 17/11/2022
3	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Thành viên điều hành
4	Lê Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
5	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm từ 28/4/2022
6	Trịnh Kiên	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành, bầu bổ sung từ 28/4/2022
7	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành, bầu bổ sung từ 17/11/2022

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

**- Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên: Phạm Quốc Thắng

Ngày tháng năm sinh: 19/11/1962

Giới tính: Nam

Số CMND: 079062016391 cấp ngày 29 tháng 04 năm 2021 – Cục QLHCTTXH

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An

Địa chỉ thường trú: 39 Trương Văn Bang, P2, TP. Tân An, Long An.

Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Kỹ sư địa chất

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

1985 – 1993	Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng	Đội trưởng
1994 – 2006	Công ty Cấp nước Long An	Phó phòng Kỹ thuật – Vật tư
2006 – 2008	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2008 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Phó Giám đốc
2010 – 2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Chủ tịch kiêm Giám đốc
2013 - 2015	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2015 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy cơ sở
7/2016 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy cơ sở

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 4.636.000 cổ phần, chiếm 38% VĐL

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Trương Thị Thu Hương	Vợ	1.482	0,01%

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Nguyễn Bảo Tùng

Ngày tháng năm sinh: 14/05/1977

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 18/8/2018 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Bến Lức, Long An.

Địa chỉ thường trú: Ấp 5 Xã Lương Bình, Bến Lức, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ - Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Phó bí thư Đảng bộ cơ sở

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

		Nhân viên
2001 – 2007	Công ty cấp nước Long An	
2007 – 2011	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật – Vật tư
2011 – 2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư

2013 đến 6/2016	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó Bí thư Đảng bộ cơ sở
7/2016 đến tháng 10/2022	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc
Từ tháng 11/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 1.100 cổ phần, chiếm 0,01% VDL

+ Đại diện sở hữu của UBND Tỉnh Long An: 2.684.000 cổ phần, chiếm 22% VDL.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên: Lưu Văn Cần

Ngày tháng năm sinh: 20/8/1979

Giới tính: Nam

Số CMND: 300845695 ngày cấp 18/8/2018 - Công an Long An

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Tân Trụ, Long An.

Địa chỉ thường trú: 333 Ấp 2, xã Bình Tâm, TPTA, Long An.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật môi trường

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc.

Đảng ủy viên



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

T10/2005 – T 04/2013	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
T05/2013- T9/2013	Công ty TNHH MTV cấp nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2013- T10/2022	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật – Vật tư
T10/2022 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
2015 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Đảng ủy viên Đảng bộ cơ sở

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Lều Mạnh Huy

Sinh ngày: 15/04/1985

Quê quán: Hưng Yên

Thường trú: Liên Phường, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên

Trình độ: Đại học

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

+ Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần đầu tư ngành nước DNP;

+ Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc – Cty Cổ phần hạ tầng nước Sài Gòn;

+ Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh;

- Thành viên Hội đồng quản trị:

Họ và tên: Trịnh Kiên;

Sinh ngày: 18/12/1975

Quê quán: Hà Nội

Thường trú: P302-C86TT Văn phòng Cục dự trữ Quốc gia, Công Vị, Ba Đình, Hà Nội;

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

+ Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần DNP Holding;

+ Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cà Mau;

+ Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần DNP Hawaco;

+ Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần DNP Hawaco Miền Nam;

+ Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Đô thị Ninh Hòa.

*b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:*

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An:

+ Thành viên của Ban:

- |                           |                            |
|---------------------------|----------------------------|
| 01. Ông Phạm Quốc Thắng   | Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban; |
| 02. Ông Nguyễn Bảo Tùng   | Phó TGĐ, Phó trưởng ban;   |
| 03. Ông Nguyễn Quốc Phong | Kế toán trưởng, KTT ban;   |
| 04. Ông Trần Thanh Phúc   | TP. HT – ĐT, thành viên;   |
| 05. Ông Lưu Văn Cần       | PP. KT-VT, thành viên;     |
| 06. Bà Trần Vân Anh       | PTP. HT- ĐT, thành viên;   |
| 07. Ông Lê Thanh Hải      | NV.PHT- ĐT, thành viên.    |

*c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	47/NQCN-HĐQT	15/03/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 20, NK (2019-2024), VV thống nhất thông qua thời gian và nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	5/5
02	40/NQCN-HĐQT	07/6/2021	Nghị quyết kỳ họp thứ 16, NK (2019-2024), VV thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An	5/5
03	56/NQCN-HĐQT	28/6/2023	Nghị quyết kỳ họp thứ 21, NK (2019-2024), VV thông qua điều chỉnh mục 1 và 2 của phụ lục 02/PLHĐ/LAW-DNPLA	5/5
04	58/NQCN-HĐQT	14/7/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 22, NK (2019-2024), VV thông qua báo cáo kết quả SX-KD và XDCB 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022	5/5
05	65/NQCN-HĐQT	19/9/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 23, NK(2019-2024), VV thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2022	5/5
06	68A/NQ-HĐQT	03/10/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 24, NK(2019-2024), VV thông qua việc hủy bỏ nghị quyết số 65/NQCN-HĐQT ngày 19/9/2022 và thông qua việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm thuộc lĩnh vực được phân công. Làm việc có tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác lãnh đạo và quản lý điều hành thuộc lĩnh vực được phân công.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

- Phạm Quốc Thắng – Chủ tịch HĐQT;

- Nguyễn Bảo Tùng – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: (không có)

## 2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Võ Minh Thái	Trưởng BKS
2	Trương Thị Lê Khanh	Thành viên BKS
3	Phan Thùy Giang	Thành viên BKS

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

### - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Võ Minh Thái
- Ngày tháng năm sinh: 1963
- Giới tính: Nam
- Nơi Sinh: Châu Thành, Long An
- Số CMND: 300310498 ngày cấp 02/01/2020 Công an Long An
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Châu Thành, Long An
- Địa chỉ thường trú: 18 Nguyễn Thanh Cần, P2, TP. Tân An, Long An
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 072.3825.114
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng Ban Kiểm soát, chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1980 – 1993	Công ty cấp nước Long An	Nhân viên
1994 – 2005	Công ty phát triển và kinh doanh nhà Cửu Long	Nhân viên
2006 – 2010	Công ty cổ phần Vận tải Long An	Nhân viên
2011 đến nay	Xí nghiệp cấp nước Tân An – Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên kế toán
2013 đến nay	Cty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Trưởng Ban kiểm soát

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL

+ Sở hữu cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,02% VDL  
 + Đại diện sở hữu: 0  
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

**- Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Trương Thị Lệ Khanh
  - Ngày tháng năm sinh: 19/10/1974
  - Giới tính: Nữ
  - CCCD: 024174002819 ngày cấp 26/04/2021 – Cục QLHCTTXH
  - Dân tộc: Kinh
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Quê quán: Bắc Giang
  - Địa chỉ thường trú: 32B Lê Thị Điền, Phường 3, TPTA, Long An.
  - Số điện thoại liên lạc: 0272.3825.114
  - Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
  - Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
  - Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.900 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2013	Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Nhân viên
2013- 2018	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Nhân viên
2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	Thành viên ban kiểm soát

**- Thành viên Ban Kiểm Soát**

- Họ và tên: Phan Thùy Giang
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1979
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 013024059 ngày cấp 19/11/2007–Nơi cấp Công an Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0978331166
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 2909 V3, Khu Homecity, Tổ 45 phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- Trình độ văn hoá: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
  - Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
    - + Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc DNP Holding;
    - + Trưởng ban kiểm soát – Công ty Cổ phần CMC;
    - + Phó tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP;
    - + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.
  - Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: không

*b. Hoạt động của Ban kiểm soát:*

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định. Ban kiểm soát tổ chức kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trên cơ sở báo cáo tài chính đã lập hàng quý, năm nhằm thẩm định, đánh giá lại mức độ chính xác, tính cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo cho Hội đồng quản trị.

Hiện tại Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An chỉ có Trưởng ban làm chuyên trách, các thành viên còn lại kiêm nhiệm, cho nên việc kiểm tra đa phần là chuyên trách giám sát. Việc tổ chức họp của Ban được diễn ra không thường xuyên mà chỉ định kỳ 02 lần/năm theo quy định. Nội dung các cuộc họp trao đổi lẫn nhau trong quá trình kiểm tra, giám sát, đề xuất ý kiến của Ban kiểm soát cho Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích thành viên HĐQT, BKS:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Tổng lương, thưởng thù lao năm 2021	Ghi chú
01	Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT	782.444.788	Điều hành
02	Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	694.539.422	Điều hành
03	Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc	449.705.489	Điều hành

04	Lê Mạnh Huy	Thành viên HĐQT	0	Không điều hành
05	Trịnh Kiên	Thành viên HĐQT	0	Không điều hành
06	Võ Minh Thái	Trưởng BKS	679.511.249	
07	Phan Thùy Giang	Thành viên BKS	0	
08	Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên BKS	275.036.000	

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không có)

c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: (không có)


d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Hội đồng quản trị và ban điều hành Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản trị Công ty và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt vào công tác quản trị Công ty trong tương lai. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tập trung nâng cao năng lực quản trị của các cán bộ quản lý thông qua việc cử đi học lớp học về quản trị Công ty do Trung tâm đào tạo chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (File đính kèm) 

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN

THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Quốc Thắng

**Phụ lục V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Long An, ngày 11 tháng 01 năm 2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**(Năm 2022)**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An
- Địa chỉ trụ sở chính: 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An
- Điện thoại: 0272.3825.114 Fax: 0272.3826.040 Email: info@lawaco.com.vn
- Vốn điều lệ: 122.000.000.000đồng
- Mã chứng khoán: LAW
- Mô hình quản trị công ty:
  - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
  - Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	55/NQCN-ĐHĐCĐ	28/4/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
02	79/NQCN-ĐHĐCĐ	17/11/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022

**II. Hội đồng quản trị (năm 2021):**

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ/ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch	26/4/2019	
02	Ông Võ Trung Cang	Thành viên	26/4/2019	17/11/2022



03	Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên	26/4/2019	
04	Ông Lều Mạnh Huy	Thành viên không điều hành	26/4/2019	
05	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên không điều hành	27/4/2020	28/4/2022
06	Ông Trịnh Kiên	Thành viên không điều hành	28/4/2022	
07	Ông Lưu Văn Cần	Thành viên	17/11/2022	

2. Các cuộc họp HĐQT: trong năm HĐQT tổ chức được 05 cuộc họp

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp/	Lý do không tham dự họp
01	Ông Phạm Quốc Thắng	5/5	100%	
02	Ông Võ Trung Cang	5/5	100%	
03	Ông Nguyễn Bảo Tùng	5/5	100%	
04	Ông Lều Mạnh Huy	5/5	100%	
05	Ông Vũ Anh Tuấn	1/5	20%	Miễn nhiệm từ ngày 28/4/2022
06	Ông Trịnh Kiên	4/5	80%	Bầu bổ sung từ ngày 28/4/2022
07	Ông Lưu Văn Cần	0/5	0%	Bầu bổ sung từ ngày 17/11/2022

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác:

- Ban Tổng giám đốc và bộ máy quản lý Công ty thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An.

- Đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị, điều hành mọi hoạt động SX – KD, công tác đầu tư với những biện pháp hữu hiệu.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Công ty cổ phần cấp thoát nước Long An trong năm không quản lý hồ sơ và giám sát chất lượng công trình nào.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2022):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	47/NQCN-HĐQT	15/03/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 20, NK (2019-2024), VV thống nhất thông qua thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.	5/5

02	56/NQCN-HĐQT	28/6/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 21, NK (2019-2024), VV thống nhất điều chỉnh mục 1 và 2 của phụ lục 02/PLHĐ/LAW-DNPLA ngày 01/12/2019 về đơn giá, sản lượng nước mua bán.	5/5
03	58/NQCN-HĐQT	14/7/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 22, NK (2019-2024), VV thông qua kết quả SX-KD và XDCB 6 tháng đầu năm	5/5
04	65/NQCN-HĐQT	19/9/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 23, NK (2019-2024), VV thông qua lấy ý kiến bằng văn bản	5/5
05	68A/NQCN-HĐQT	03/10/2022	Nghị quyết kỳ họp thứ 24, NK(2019-2024), VV thông qua việc hủy Nghị quyết số 65/NQ-HĐQT ngày 19/9/2022 của HĐQT và ngừng triển khai thực hiện các thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, thông qua việc triệu tập và tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2022	5/5

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2022):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
01	Ông Võ Minh Thái	Trưởng ban	26/4/2019	Cử nhân kinh tế
02	Bà Trương Thị Lệ Khanh	Thành viên	26/4/2019	Cử nhân kế toán
03	Bà Phan Thùy Giang	Thành viên	26/4/2019	Cử nhân kinh tế

#### 2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ông Võ Minh Thái	2/2	100%	3/3	
02	Bà Trương Thị Lệ Khanh	2/2	100%	3/3	
03	Bà Phan Thùy Giang	2/2	100%	3/3	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác và cổ đông:

- Giám sát Hội đồng quản trị:
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, quý, năm theo quy định Điều lệ của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

- Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Giám sát Ban điều hành:

Ban điều hành thực hiện phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cho từng thành viên, đảm bảo trách nhiệm của quyền hạn rõ ràng;

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị, tổng giám đốc tổ chức thực hiện đảm bảo bám sát kế hoạch đã được thông qua Đại hội cổ đông, và quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Điều hành Công ty hoạt động ổn định, tình hình tài chính lành mạnh, công ty không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào liên quan đến cổ đông và các đối tác của công ty;

Ban điều hành họp giao ban 1 lần/tháng và đột xuất để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh kịp thời và hiệu quả

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- BKS đã chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp với Ban điều hành trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát;

- HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho BKS;

- Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD;

- HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): không có

#### IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
01	Ông Phạm Quốc Thắng	19/11/1962	Thạc sĩ QTKD, kỹ sư địa chất	26/4/2019
02	Ông Võ Trung Cang	14/3/1962	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 26/4/2019, miễn nhiệm ngày 01/11/2022
03	Ông Nguyễn Bảo Tùng	14/5/1977	Thạc sĩ, kỹ sư kỹ thuật môi trường	26/4/2019
04	Ông Lưu Văn Cần	20/8/1979	kỹ sư kỹ thuật môi trường	01/11/2022

## V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Nguyễn Quốc Phong	19/10/1977	Cử nhân kinh tế	26/4/2019

## VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: *Theo nhu cầu cụ thể của HĐQT, BKS và Ban điều hành*

## VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2022) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty).

### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
-----	---------------------	--	------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	---	---	-------	-----------------------------------

### 2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
	Công ty DNP-Long An						99.335.272.070 tiền mua nước	

*Ghi chú: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)*

### 3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú
	Không có								

#### 4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác. Không có

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2022)**

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan nội bộ (báo cáo năm 2022) không có**

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

Stt	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
01	Phạm Quốc Thắng		CT HĐQT	300394695 ngày 15/2/2006	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	2.700	0,022	Đại diện UBND Tỉnh, năm giữ 4.636.000 chiếm 38%
	Trương Thị Thu Hương		Vợ	300458390 ngày 19/11/2004	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	1.482	0,012	
	Phạm Trương Nhật Phương		Con ruột	301312026 ngày 19/11/2004	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	0	0	
	Phạm Trương Tuyết Phương		Con ruột	301667383 ngày 23/7/2014	39 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	0	0	
	Phạm Văn Điền		Cha ruột	300394498 ngày 26/9/2005	Áp 4, xã Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An	0	0	
	Dương Thị Phe		Mẹ ruột	300394490 ngày 23/9/2005	Áp 4, xã Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An	0	0	
	Phạm Quốc Tuấn		Em ruột	300517815 ngày 23/9/2005	Áp 4, xã Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An	0	0	
	Phạm Thị Ngọc Thúy		Em ruột	300683931 ngày 28/9/2005	Áp 4, xã Nhị Thành, Thủ Thừa, Long An	0	0	
	Phạm Quốc Tân		Em ruột	300689859 ngày 17/7/2000	92/1 Trần Phong Sắc, P4, TPTA, Long An	0	0	
	Trương Văn Bé		Cha vợ	300458369 ngày 12/6/2019	41 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	0	0	
	Trần Thị Trư		Mẹ vợ	300034785 ngày 14/2/2017	Nt	0	0	

	Trương Anh Huy			Anh vợ	312181790 ngày 8/6/2016	41 Lê Thị Hồng Gấm, P4, TP Mỹ Tho, Tiền Giang	0	0	0	
	Trương Anh Tuấn			Em vợ	080066000 008 ngày 01/7/2015	250/30C phường Trảng Bàng, TX Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	0	0	0	
	Trương Thị Bích Thủy			Em vợ	024369411 ngày 7/04/2005	295/21E Nơ Trang Long, P13, Quận Bình Thạnh, TPHCM	0	0	0	
	Trương Anh Tùng			Em vợ	300577537 ngày 12/6/2019	41 Trương Văn Bang, P2, TPTA, Long An	0	0	0	
02	Nguyễn Bảo Tùng			TVHD QT, Tổng Giám đốc	080077008 895 CCSQLHC VTIXH cấp ngày 24/7/2022	Áp 5, xã Lương Bình, Bến Lức, Long An	1.100	0,009	0,009	Đại diện UBND Tỉnh Long An, năm 2.684.000 chiếm 22%
	Nguyễn Minh Châu			Cha ruột	080044003 683 CCSQLHC VTIXH cấp ngày 9/8/2021	Áp 5, xã Lương Bình, Bến Lức, Long An	0	0	0	
	Nguyễn Thị Ni			Mẹ ruột	080144002 182 CCSQLHC VTIXH cấp ngày 9/8/2021	Áp 5, xã Lương Bình, Bến Lức, Long An	0	0	0	
	Lê Ngọc Lan Thảo			Vợ	074178002 99 CCSQLHC VTIXH cấp ngày 8/2/2021	14 Tô 2, ấp Chánh Lộc 1, xã Chánh Mỹ, TDM, Bình Dương	0	0	0	
	Nguyễn Bảo Tường			Con ruột	Còn nhỏ	14 Tô 2, ấp Chánh Lộc 1, xã Chánh Mỹ, TDM, Bình Dương	0	0	0	
	Nguyễn Bảo Tín			Con ruột	Còn nhỏ	14 Tô 2, ấp Chánh Lộc 1, xã Chánh Mỹ, TDM, Bình Dương	0	0	0	
	Nguyễn Thị Thanh Trúc			Chị ruột	0801680 05470 CCSQLHC	ấp 4 Lương Bình, Bến Lức, Long An	0	0	0	

	Nguyễn Thanh Tùng					Anh ruột							áp 5 Lương Bình, Bến Lức, Long An		0		0			
	Nguyễn Minh Tùng					Anh ruột							áp 5 Lương Bình, Bến Lức, Long An		0		0			
	Nguyễn Thị Thanh Ly					Chị ruột							áp 5 Lương Bình, Bến Lức, Long An		0		0			
	Nguyễn Văn Tùng					Anh ruột							áp 5 Lương Bình, Bến Lức, Long An		0		0			
	Nguyễn Thị Thanh Tâm					Em ruột							340Đ/1/KV4, thị trấn Đức Hòa, Long An		0		0			
	Trần Hoàng Hoanh					Anh rẻ							áp 4 Lương Bình, Bến Lức, Long An		0		0			
	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng					Chị dâu							Áp 5 Lương Bình, Bến Lức, Long An		0		0			





	Lêu Mạnh Hùng		Cha ruột	03305600 0675 ngày 25/4/2021	Phương liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	0	0	
	Phạm Kim Dung		Mẹ ruột	03315800 0835 ngày 25/4/2021	Phương liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	0	0	
	Lêu Thị Thu Trang		E ruột	03319000 7123 ngày 15/4/2021	Phương liên, thành phố Hưng Yên, Hưng Yên	0	0	
	Nguyễn Minh Ngọc		Vợ	07918800 8780 ngày 10/5/2021		0	0	
	Lêu Mạnh Đức		Con	Còn nhỏ		0	0	
	Lêu Huy Tuấn		Con	Còn nhỏ		0	0	
	Nguyễn Văn Tốt		Bố vợ	08305300 2800 cấp ngày 08/5/2021		0	0	
	Tăng Kim Hoàng		Mẹ vợ	07915000 1929 cấp ngày 10/5/2021		0	0	
	Dương Văn Đại		Em rể	03308901 5156 cấp ngày 13/8/2021		0	0	
	Nguyễn Song Phượng		Chị vợ	079183008 495 cấp ngày 10/5/2021		0	0	
04	Lưu Văn Cán		TVHD QT, Phó tổng giám đốc	08007901 8157 cấp ngày 22/11/2021 1	Xã Bình Tâm, TP Tân An, Long An	800		
	Trần Thị Hồng Nhung		Vợ	301090878 cấp ngày 26/4/2014	Xã Bình Tâm, TP Tân An, Long An	0	0	

	Lưu Ngọc Quỳnh			Con	Còn nhỏ	Xã Bình Tâm, TP Tân An, Long An	0	0	
	Lưu Văn Tới			Cha ruột	08005700 5525 cấp ngày 9/8/2021	Nhựt Ninh, Tân Trụ, Long An	0	0	
	Mai Thị Trù			Mẹ ruột	08159006 29 cấp ngày 8/5/2021	Nhựt Ninh, Tân Trụ, Long An	0	0	
	Lưu Văn Muôn			Anh ruột	08007701 0127 cấp ngày 8/5/2021	Nhựt Ninh, Tân Trụ, Long An	0	0	
	Phạm Thị Gái			Chị dâu	080174015 134 cấp ngày 19/8/2022	Nhựt Ninh, Tân Trụ, Long An	0	0	
	Lưu Văn Tâm			Em ruột	08000870 08572 cấp ngày 9/8/2021	Nhựt Ninh, Tân Trụ, Long An	0	0	
	Ngô Ngọc Cẩm Giang			Em dâu	08019000 3837 cấp ngày 29/4/2021	Phường 4, TPTA, Long An	0	0	
	Lưu Văn Tý			Em ruột	08009100 4242 cấp ngày 9/8/2021	Nhựt Ninh, Tân Trụ, Long An	0	0	
	Trần Hồng Quang			Cha vợ	301348478 cấp ngày 12/5/2005	Phường Tân Khánh, TPTA, Long An	0	0	
	Nguyễn Thị Liên			Mẹ vợ	301348479 cấp ngày 21/8/2008	Phường Tân Khánh, TPTA, Long An	0	0	
	Trần Lan Hương			Em vợ	080189001 908 cấp ngày 7/4/2021	Phường Tân Khánh, TPTA, Long An	0	0	
05	Trịnh Kiên			TVHĐ QT	022079002 873 cấp ngày 10/7/2018	TBD Cáo Đình 1, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0	0	

Trịnh Văn Khiêm				171182811 Công an Thanh Hóa cấp ngày 16/9/2014		0	0	0
Nguyễn Thị Vũ			Mẹ ruột	02215400 3579 cấp ngày 29/6/2021		0	0	0
Trịnh Trung			Em ruột	17170137 3 Công an Thanh Hóa cấp ngày 4/3/2010		0	0	0
Nguyễn Thị Ngọc Hoàn			Em dâu	01518701 8049 cấp ngày 31/8/2021		0	0	0
Phan Thị Thanh Bình			Vợ	25183000 032 cấp ngày 21/6/2013		0	0	0
Trịnh Phan Trúc Linh			Con	Còn nhỏ		0	0	0
Trịnh Bảo Nam			Con	Còn nhỏ		0	0	0
Trịnh Phan Thục Anh			Con	Còn nhỏ		0	0	0
Phan Văn Hiến			Bố vợ	02505500 0010 cấp ngày 31/7/2017		0	0	0
Trần Thị Kim Dung			Mẹ vợ	02515700 0004 cấp ngày 21/6/2013		0	0	0
Phan Quang Hòa			Anh vợ	02508100 0024 cấp ngày 4/10/2013		0	0	0
Phan Thị Kiều Oanh			Em vợ	02518700 0031 cấp ngày 10/7/2021		0	0	0

06	Võ Minh Thái			Trưởng BKS	300310498 ngày 13/02/2006	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An	2.500	0,020	
	Hà Thị Mới	-		vợ	300968201 ngày 13/4/2009	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Hà Nhật Ai	-		Con ruột	301510241 ngày 16/11/2009	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Thái Nhật Hoàng	-		Con ruột	301667414 ngày 23/7/2014	Số 18, đường Nguyễn Thanh Căn, phường 2, TPTA, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Văn Tông	-		Cha ruột	30137389 7 ngày 28/7/2006	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Văn Bé	-		Anh ruột	300310853 ngày 10/10/2011	Số 90/8, ấp 8, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Thị Bé	-		Chị ruột	300019935 ngày 9/6/2004	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Bá Dương	-		Anh ruột	300187592 ngày 4/01/1991	Số 34/7, ấp Thanh Hòa, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Thành Nhân	-		Anh ruột	30031086 0 ngày 7/06/2001	Số 327/8, ấp Thanh Tân, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Thị Huỳnh Mai	-		Chị ruột	30031080 4 ngày 28/5/2004	Số 195/1, ấp 1, xã Phước Tân Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Long An	0	0	
	Võ Thị Châu Toàn	-		Em ruột	300570276 ngày 22/10/2011	Số 257, đường Nguyễn Văn Rành, phường 7, TPTA, tỉnh Long An	0	0	

	Hà Văn Sáu				Đã mất								
	Nguyễn Thị Trà		Mẹ vợ		3003551 45	Áp 4, xã Quê Mỹ Thạnh, Tân Trụ, Long An	0	0	0				
	Hà Văn Đoàn		Anh vợ		3000003 02	Nt	0	0	0				
	Hà Thị Liên		Chị vợ		3004352 87	Áp 3, xã Nhứt Chánh, Bến Lức, Long An	0	0	0				
	Hà Thị Diệp		Chị vợ		3003551 46	Áp 1, xã Long An, Cần Giuộc, Long An	0	0	0				
	Hà Thị Xem		Em vợ		3014062 25	Số 39/2 Huỳnh Văn Nhứt, P2, TPTA, Long An	0	0	0				
07	Phan Thùy Giang		TVBK S		013024059 ngày 19/11/2007	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	0	0	0				
	Phan Tất Trinh		Cha ruột		Đã mất		0	0	0				
	Phan Thị Tố Nga		Mẹ ruột		181493613 ngày 9/10/1997		0	0	0				
	Phan Chí Hiếu		Anh ruột		181860711 ngày 11/12/2003		0	0	0				
	Phan Thị Thảo		Chị ruột		182178894 ngày 01/01/2013		0	0	0				
	Nguyễn Viết Thu		Chồng		011821252 ngày 19/11/2007	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	0	0	0				
	Nguyễn Viết Trung		Con		Còn nhỏ	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	0	0	0				
	Nguyễn Phan Uyên Phương		Con		Còn nhỏ	Phòng 2909 V3, Khu Homecity, tổ 45 Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy Hà Nội	0	0	0				
08	Trương Thị Lệ Khanh		TV BKS		301735701 ngày 26/7/2016	32B Lê Thị Điện, Phường 3, TPTA, Long An	1.900	0,016	0				
	Trương Văn Khang		Cha ruột		120916023 ngày 16/4/2015	221 Đường Thánh Thiên, P Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0	0	0				

Nguyễn Thị Lài				122290448 ngày 16/4/2015	Mẹ ruột	221 Đường Thành Thiên, P Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0	0
Trương Thị Oanh				121579099 ngày 6/11/2002	Chị ruột	221 Đường Thành Thiên Phường Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0	0
Trương Thị Huyền Trang				12186801 7 ngày 14/3/2006	Em ruột	221 Đường Thành Thiên, P Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0	0
09 Nguyễn Quốc Phong				311452927 ngày 22/7/2004	Kế toán trưởng	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiên Giang	4.100	0,034
Nguyễn Văn Quan				310441078	Cha ruột	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiên Giang	0	0
Cao Thị Tiên				310441082	Mẹ ruột	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiên Giang	0	0
Nguyễn Quốc Hùng				301311000	Anh ruột	191/1 Nguyễn Minh Đường, P4, TPTA, LA	0	0
Nguyễn Quốc Vũ				310908663	Anh ruột	Tân Hội Đông- Châu Thành- Tiên Giang	0	0
Nguyễn Thị Kim Cúc				301045128	Vợ	1557 P. Khánh Hậu, TPTA, Long An	0	0
Nguyễn Hoàng Diên Khánh				Còn nhỏ	Con ruột	1557 P. Khánh Hậu, TPTA, Long An	0	0
Nguyễn Minh Khôi				Còn nhỏ	Con ruột	1557 P. Khánh Hậu, TPTA, Long An	0	0



Phạm Quốc Thắng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

---

Tháng 02 năm 2023



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 26

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên
Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên
Ông Trịnh Kiên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2022)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022)
Ông Võ Trung Cang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2022)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Ông Võ Trung Cang	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2022)
Ông Lưu Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2022)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Quốc Thắng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



\_\_\_\_\_  
**Phạm Quốc Thắng**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 06 tháng 02 năm 2023

SỐ: 001/VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2023, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Đức Tiến**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2023



**Phạm Hoàng Việt**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4924-2019-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>40.789.768.592</b>	<b>41.709.909.471</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.077.871.145</b>	<b>7.744.118.946</b>
1. Tiền	111		3.742.275.570	7.413.929.595
2. Các khoản tương đương tiền	112		335.595.575	330.189.351
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>110.669.500</b>	<b>100.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		110.669.500	100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.610.610.110</b>	<b>11.533.950.624</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.977.520.329	8.931.766.765
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.865.389.874	787.291.541
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.966.388.169	2.013.580.580
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(198.688.262)	(198.688.262)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>23.687.192.231</b>	<b>22.052.028.559</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.687.192.231	22.052.028.559
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.303.425.606</b>	<b>279.811.342</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.303.425.606	279.811.342
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>286.369.369.925</b>	<b>265.672.435.580</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>211.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	-	211.500.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>257.842.432.797</b>	<b>244.135.373.757</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	256.346.597.828	242.609.705.461
- Nguyên giá	222		583.790.346.440	536.937.807.034
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(327.443.748.612)	(294.328.101.573)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.495.834.969	1.525.668.296
- Nguyên giá	228		2.041.741.000	2.041.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(545.906.031)	(516.072.704)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>27.473.246.079</b>	<b>20.047.619.064</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	27.473.246.079	20.047.619.064
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.053.691.049</b>	<b>1.277.942.759</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.053.691.049	1.277.942.759
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>327.159.138.517</b>	<b>307.382.345.051</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>158.768.617.150</b>	<b>143.029.103.684</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>98.872.928.639</b>	<b>85.666.277.498</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	40.009.201.967	16.676.656.832
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	2.448.207.425	595.487.659
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.455.263.601	1.011.229.904
4. Phải trả người lao động	314		1.547.504.908	4.530.917.161
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	8.042.540.849	8.259.554.016
6. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	43.335.000.000	52.818.199.817
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.035.209.889	1.774.232.109
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59.895.688.511</b>	<b>57.362.826.186</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	14.309.184.673	14.920.693.348
2. Vay và nợ dài hạn	338	16	45.586.503.838	42.442.132.838
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>168.390.521.367</b>	<b>164.353.241.367</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>168.390.521.367</b>	<b>164.353.241.367</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		46.390.521.367	42.353.241.367
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 +</b>	<b>440</b>		<b>327.159.138.517</b>	<b>307.382.345.051</b>



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		247.196.058.369	231.009.021.270		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.061.569.395	2.009.127.209		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	245.134.488.974	228.999.894.061		
4. Giá vốn hàng bán	11	20	192.621.193.806	183.547.066.083		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		52.513.295.168	45.452.827.978		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		23.845.278	24.161.305		
7. Chi phí tài chính	22	22	5.303.421.631	5.322.999.646		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.303.421.631	5.322.999.646		
8. Chi phí bán hàng	25	23	13.091.194.008	9.725.601.230		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	18.739.793.955	16.616.241.766		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		15.402.730.852	13.812.146.641		
11. Thu nhập khác	31		882.213.809	638.399.880		
12. Chi phí khác	32		929.657.070	963.942.106		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(47.443.261)	(325.542.226)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.355.287.591	13.486.604.415		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.560.602.829	2.091.270.553		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.794.684.762	11.395.333.862		
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	938	794		



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 06 tháng 2 năm 2023

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHI TIẾT	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>15.355.287.591</b>	<b>13.486.604.415</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	33.145.480.366	30.841.605.032
- Các khoản dự phòng	03	-	198.688.262
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.845.278)	(24.161.305)
- Chi phí lãi vay	06	5.303.421.631	5.322.999.646
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi Vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>53.780.344.310</b>	<b>49.825.736.050</b>
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(888.773.750)	(4.558.184.215)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.635.163.672)	(905.665.519)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.889.590.697	(22.200.171.072)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	224.251.710	5.599.520.668
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.303.421.631)	(5.979.999.646)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.249.732.043)	(1.527.290.412)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.757.662.000)	(1.332.716.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>50.059.433.621</b>	<b>18.921.229.854</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(41.116.842.571)	(22.550.617.177)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.669.500)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.845.278	24.161.305
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(41.103.666.793)</b>	<b>(22.526.455.872)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	123.244.371.000	86.356.255.817
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(129.583.199.817)	(74.650.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.283.185.812)	(5.124.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(12.622.014.629)</b>	<b>6.582.255.817</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(3.666.247.801)</b>	<b>2.977.029.799</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>7.744.118.946</b>	<b>4.767.089.147</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4.077.871.145</b>	<b>7.744.118.946</b>



Phạm Quốc Thắng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 06 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Hương  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 6 ngày 02/12/2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 144 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 143 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Bán điện cho điện lực (trừ truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

*b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

1010  
NG T  
PH  
I  
NG A  
N-T.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm sau.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

888  
HI N  
PHỐ  
CÓN  
NHIE  
IEM  
VA  
/H S  
CÔNG  
CỔ P  
ÁP TH  
LON  
TAN A

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	35.060.242	431.060.589
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.707.215.328	6.982.869.006
Các khoản tương đương tiền	335.595.575	330.189.351
<b>Cộng</b>	<b><u>4.077.871.145</u></b>	<b><u>7.744.118.946</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu ngắn hạn của bên liên quan</i>	<b>10.640.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An - tiền dịch vụ xét nghiệm nước	10.640.000	-
<i>b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là đối tượng khác</i>	<b>6.966.880.329</b>	<b>8.931.766.765</b>
Khách hàng cung cấp nước	4.066.980.284	4.201.352.758
Khách hàng khác	2.899.900.045	4.730.414.007
<b>Cộng</b>	<b><u>6.977.520.329</u></b>	<b><u>8.931.766.765</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>2.966.388.169</b>	-	<b>2.013.580.580</b>	-
Tạm ứng	802.647.000	-	464.647.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	720.051.937	-	823.711.224	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	835.959.056	-	725.222.356	-
Ký cược, ký quỹ	592.500.414	-	-	-
Các khoản phải thu khác	15.229.762	-	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	<b>211.500.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	211.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.966.388.169</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.225.080.580</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.884.272.361	-	22.052.028.559	-
Chi phí SXKD dở dang	802.919.870	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.687.192.231</b>	<b>-</b>	<b>22.052.028.559</b>	<b>-</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một số nguyên vật liệu để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**8. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số đầu năm	212.289.968.857	-	34.743.905.277	-	287.787.194.045	-	2.116.738.855	-	536.937.807.034
- Mua sắm mới	-	-	770.959.598	-	-	-	170.514.909	-	941.474.507
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	279.817.910	-	70.775.000	-	44.241.084.081	-	1.319.387.908	-	45.911.064.899
Số cuối năm	212.569.786.767	-	35.585.639.875	-	332.028.278.126	-	3.606.641.672	-	583.790.346.440

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số đầu năm	150.969.094.644	28.412.077.964	113.351.468.984	1.595.459.981	294.328.101.573
- Khấu hao trong năm	10.919.104.863	2.656.721.821	18.852.302.268	687.518.087	33.115.647.039
Số cuối năm	161.888.199.507	31.068.799.785	132.203.771.252	2.282.978.068	327.443.748.612

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số đầu năm	61.320.874.213	6.331.827.313	174.435.725.061	521.278.874	242.609.705.461
Số cuối năm	50.681.587.260	4.516.840.090	199.824.506.874	1.323.663.604	256.346.597.828

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 68.724.699.306 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 57.963.844.389 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 16) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 118.520.869.868 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 83.901.779.616 VND).





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
Số cuối năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu năm	-	477.272.704	38.800.000	516.072.704
- Khấu hao trong năm	-	29.833.327	-	29.833.327
Số cuối năm	-	507.106.031	38.800.000	545.906.031
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm	1.477.835.000	47.833.296	-	1.525.668.296
Số cuối năm	1.477.835.000	17.999.969	-	1.495.834.969

Tài sản cố định vô hình là giá trị là quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 483.906.000 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 273.906.000 VND).

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công trình: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ khu vực huyện Bến Lức	7.175.219.112	-
Công trình: Tuyến ống nước sạch cấp cho người dân thị trấn Thủ Thừa	5.634.729.629	-
Công trình: Lắp hệ thống giám sát khai thác tài nguyên	2.287.829.455	2.060.556.727
Công trình: Di dời, nâng cấp tuyến ống D200 thành D400 TL818 (KCN Long Hậu - KDC MT-Land)	-	2.813.542.064
Công trình: Đường Chùa Ông, Trần.V.Đấu, N.K.Công, P.V.Thành, Vành đai, N.Q.Đại, H20N.V.Tiếp	-	3.214.220.182
Công trình khác	12.375.467.883	11.959.300.091
<b>Cộng</b>	<b>27.473.246.079</b>	<b>20.047.619.064</b>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm:

Số đầu năm	20.047.619.064
Tăng trong năm	53.336.691.914
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	45.911.064.899
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.473.246.079</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một số công trình để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Là chi phí sửa chữa tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An - tiền mua nước	52.295.901	52.295.901	-	-
<b>b) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác</b>				
Công trình: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ khu vực huyện Bến Lức	39.956.906.066	39.956.906.066	16.676.656.832	16.676.656.832
Công trình: Tuyến ống nước sạch cấp cho người dân thị trấn Thủ Thừa	7.497.098.000	7.497.098.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	6.085.508.000	6.085.508.000	-	-
Sửa chữa nâng công suất Nhà máy nước Tân An	5.713.566.880	5.713.566.880	1.739.012.000	1.739.012.000
Công ty TNHH TM DV SX Bình An An	5.548.345.214	5.548.345.214	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Tường	2.891.068.243	2.891.068.243	2.382.444.489	2.382.444.489
Phải trả người bán khác	-	-	4.861.085.700	4.861.085.700
<b>Cộng</b>	<u>12.221.319.729</u>	<u>12.221.319.729</u>	<u>7.694.114.643</u>	<u>7.694.114.643</u>
	<u>40.009.201.967</u>	<u>40.009.201.967</u>	<u>16.676.656.832</u>	<u>16.676.656.832</u>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Xuân Thảo	727.607.100	-
Công trình: Dự án di dời nút giao Hùng Vương - QL62 - BQLDA TP	635.244.000	-
Công trình: Thi công dự án khu nhà vườn trung tâm Garden Central Park - An Hòa	528.163.000	-
Khách hàng khác	557.193.325	595.487.659
<b>Cộng</b>	<u>2.448.207.425</u>	<u>595.487.659</u>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	Thuế giá trị gia tăng	-	1.279.390.428	1.279.390.428
Thuế thu nhập doanh nghiệp	111.380.043	1.798.954.829	1.249.732.043	660.602.829
Thuế thu nhập cá nhân	734.652.056	1.895.891.074	1.986.751.138	643.791.992
Thuế tài nguyên	165.197.805	2.042.621.951	2.056.950.976	150.868.780
Các loại thuế khác	-	406.413.166	406.413.166	-
<b>Cộng</b>	<u>1.011.229.904</u>	<u>7.423.271.448</u>	<u>6.979.237.751</u>	<u>1.455.263.601</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<u>8.042.540.849</u>	<u>8.259.554.016</u>
Phải trả cổ tức cho UBND tỉnh Long An - Bên liên quan	4.441.007.255	3.769.911.487
Phải trả cổ tức cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP - Bên liên quan	2.749.808.596	2.334.275.631
Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	210.862.907	178.998.694
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan	-	700.000.000
Phải trả phí bảo vệ môi trường	640.862.091	1.276.368.204
<i>b) Dài hạn</i>	<u>14.309.184.673</u>	<u>14.920.693.348</u>
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bán giao tài sản cố	12.154.262.000	12.154.262.000
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan	-	249.285.000
Phải trả khác	2.154.922.673	2.517.146.348
<b>Cộng</b>	<u><u>22.351.725.522</u></u>	<u><u>23.180.247.364</u></u>

Đây là giá trị tài sản cố định: "Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An" theo Công văn số 1599/QĐ-UBND, với giá trị phải trả trong 20 năm là 12.154.262.000 VND, lịch trả nợ bắt đầu từ năm thứ 06 đến năm thứ 19 với giá trị 850.000.000 VND/năm và năm thứ 20 phải thanh toán 254.262.000 VND.

150  
T  
H  
T  
N  
A  
T  
U  
546  
CHI  
HPH  
CÔ  
INH  
KIẾN  
VA  
NH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An  
Tỉnh Long An

**MẪU SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. VAY**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Tăng VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>43.335.000.000</b>	<b>43.335.000.000</b>	<b>129.583.199.817</b>	<b>120.100.000.000</b>	<b>52.818.199.817</b>	<b>52.818.199.817</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	32.100.000.000	32.100.000.000	101.828.199.817	94.780.000.000	39.148.199.817	39.148.199.817
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quý Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An (iii)	4.805.000.000	4.805.000.000	4.825.000.000	2.390.000.000	7.240.000.000	7.240.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>45.586.503.838</b>	<b>45.586.503.838</b>	<b>8.820.000.000</b>	<b>11.964.371.000</b>	<b>42.442.132.838</b>	<b>42.442.132.838</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	32.178.076.838	32.178.076.838	6.430.000.000	-	38.608.076.838	38.608.076.838
Quý Đầu tư và Phát triển Long An (iii)	13.408.427.000	13.408.427.000	2.390.000.000	11.964.371.000	3.834.056.000	3.834.056.000
<b>Cộng</b>	<b>88.921.503.838</b>	<b>88.921.503.838</b>	<b>138.403.199.817</b>	<b>132.064.371.000</b>	<b>95.260.332.655</b>	<b>95.260.332.655</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh khai thác và cung cấp nước sạch. Kỳ hạn vay từ 11 tháng 5 năm 2022 đến 11 tháng 5 năm 2023, lãi suất vay là 6,7%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho là các nguyên vật liệu sử dụng trong ngành cấp thoát nước với tổng giá trị thế chấp là 20.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
250 Hùng Vương, Phường 04, Thành phố Tân An  
Tỉnh Long An

**MÃ SỐ B 09-DN**  
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY (Tiếp theo)**

(iii) Khoản vay Quý Đầu tư và Phát triển:

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832.
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 1 của dự án tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.
- Mục đích vay để đầu tư dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND, thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 8,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị liên quan của Tuyến ống cấp nước sạch D160 - D225 đường Hương Lộ 25 (từ Tân Trụ đến đường Bản Cao).
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 - Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống D110 CN cho 3 xã Bình Đức, Thanh Hòa, Thanh Lợi.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Cải tạo hệ thống mạng lưới TOCN thị trấn Tân Trụ và vùng lân cận huyện Tân Trụ.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 - Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. VAY (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	11.235.000.000	13.670.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	34.336.000.000	29.554.056.000
Sau năm năm	11.250.503.838	12.888.076.838
<b>Cộng</b>	<b>56.821.503.838</b>	<b>56.112.132.838</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	11.235.000.000	13.670.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>45.586.503.838</b>	<b>42.442.132.838</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>38.934.999.254</b>	<b>-</b>	<b>160.934.999.254</b>
Lãi trong năm	-	-	11.395.333.862	11.395.333.862
Trích cổ tức	-	-	(6.266.777.208)	(6.266.777.208)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.418.242.113	(3.418.242.113)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.709.121.057)	(1.709.121.057)
Điều chỉnh khác	-	-	(1.193.484)	(1.193.484)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>42.353.241.367</b>	<b>-</b>	<b>164.353.241.367</b>
Lãi trong năm	-	-	13.794.684.762	13.794.684.762
Trích cổ tức (i)	-	-	(7.401.678.758)	(7.401.678.758)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	4.037.280.000	(4.037.280.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.018.639.780)	(2.018.639.780)
Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	-	-	(337.086.224)	(337.086.224)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>46.390.521.367</b>	<b>-</b>	<b>168.390.521.367</b>

- (i) Công ty tạm trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022 theo Tờ trình số 1804/TT-KTTV ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

<b>Cổ phiếu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn điều lệ*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	88.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	45.324.400.000	31.434.400.000
Cổ đông khác	3.475.600.000	2.315.600.000
<b>Cộng</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>122.000.000.000</b>

Cổ tức đã được thanh toán trong năm nay là 6.283.185.812 VND (năm trước là 5.124.000.000 VND).

**18. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**19. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước	226.256.356.514	204.356.799.447
Doanh thu lắp đặt đường ống	20.726.028.177	26.397.164.123
Doanh thu xét nghiệm nước	210.641.932	253.267.564
Doanh thu khác	3.031.746	1.790.136
<b>Cộng</b>	<b>247.196.058.369</b>	<b>231.009.021.270</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.061.569.395</b>	<b>2.009.127.209</b>
- Giảm giá hàng bán	2.061.569.395	2.009.127.209
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>245.134.488.974</b>	<b>228.999.894.061</b>

Trong đó doanh thu xét nghiệm nước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An (Bên liên quan) năm nay là 170.457.407 VND (năm trước là 218.771.931 VND).

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước và xét nghiệm nước	174.740.790.609	166.983.267.278
Giá vốn lắp đặt đường ống	17.880.403.197	16.563.798.805
<b>Cộng</b>	<b>192.621.193.806</b>	<b>183.547.066.083</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.657.959.444	27.344.788.568
Chi phí nhân công	36.344.221.558	35.708.663.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.145.480.366	30.878.405.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.767.305.575	97.586.662.497
Chi phí bằng tiền khác	14.340.134.696	15.674.267.353
<b>Cộng</b>	<b>225.255.101.639</b>	<b>207.192.787.383</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.303.421.631	5.322.999.646
<b>Cộng</b>	<b>5.303.421.631</b>	<b>5.322.999.646</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	9.463.247.082	8.921.191.852
Chi phí dự phòng	-	198.688.262
Các khoản chi phí QLDN khác	9.276.546.873	7.496.361.652
<b>Cộng</b>	<b>18.739.793.955</b>	<b>16.616.241.766</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	7.278.249.971	6.399.933.841
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.812.944.037	3.325.667.389
<b>Cộng</b>	<b>13.091.194.008</b>	<b>9.725.601.230</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	15.355.287.591	13.486.604.415
Thu nhập chịu thuế	15.355.287.591	13.486.604.415
Thu nhập chịu thuế suất 20%	250.740.703	7.426.101.117
Thu nhập chịu thuế suất 10%	15.104.546.888	6.060.503.298
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.560.602.829</b>	<b>2.091.270.553</b>

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề cấp thoát nước của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa của Công ty được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định của Thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, mức thuế suất này được Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016. Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	13.794.684.762	11.395.333.862
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	2.018.639.780	1.709.121.057
Trừ Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính làm giảm Lợi nhuận sau thuế	337.086.224	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>11.438.958.758</b>	<b>9.686.212.805</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	938	794
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	88.921.503.838	95.260.332.655
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.871.145	7.744.118.946
Nợ thuần	84.843.632.693	87.516.213.709
Vốn chủ sở hữu	168.390.521.367	164.353.241.367
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,50</b>	<b>0,53</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.871.145	7.744.118.946	4.077.871.145	7.744.118.946
Phải thu khách hàng và phải thu	8.942.573.236	10.493.512.083	8.942.573.236	10.493.512.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.669.500	100.000.000	110.669.500	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.131.113.881</b>	<b>18.337.631.029</b>	<b>13.131.113.881</b>	<b>18.337.631.029</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	88.921.503.838	95.260.332.655	88.921.503.838	95.260.332.655
Phải trả người bán và phải trả khác	62.360.927.489	39.856.904.196	62.360.927.489	39.856.904.196
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.282.431.327</b>	<b>135.117.236.851</b>	<b>151.282.431.327</b>	<b>135.117.236.851</b>



58-C  
HÀNG  
HỒ C  
G T  
M H  
TOÁN  
C  
T.P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.871.145	-	-	4.077.871.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.942.573.236	-	-	8.942.573.236
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.669.500	-	-	110.669.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.131.113.881</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.131.113.881</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	43.335.000.000	34.336.000.000	11.250.503.838	88.921.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	48.051.742.816	14.309.184.673	-	62.360.927.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.386.742.816</b>	<b>48.645.184.673</b>	<b>11.250.503.838</b>	<b>151.282.431.327</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(78.255.628.935)</b>	<b>(48.645.184.673)</b>	<b>(11.250.503.838)</b>	<b>(138.151.317.446)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.744.118.946	-	-	7.744.118.946
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.282.012.083	211.500.000	-	10.493.512.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	100.000.000	-	-	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.126.131.029</b>	<b>211.500.000</b>	<b>-</b>	<b>18.337.631.029</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	52.818.199.817	29.554.056.000	12.888.076.838	95.260.332.655
Phải trả người bán và phải trả khác	24.936.210.848	14.920.693.348	-	39.856.904.196
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.754.410.665</b>	<b>44.474.749.348</b>	<b>12.888.076.838</b>	<b>135.117.236.851</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(59.628.279.636)</b>	<b>(44.263.249.348)</b>	<b>(12.888.076.838)</b>	<b>(116.779.605.822)</b>

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh, đồng thời Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng đang lên kế hoạch thanh toán chi tiết để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
UBND tỉnh Long An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Cổ đông lớn chi phối gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Cổ đông lớn (Công ty con của Nhựa Đồng Nai)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An	Công ty con của Nhựa Đồng Nai
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 05, 12, 15, 17 và 19; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>UBND tỉnh Long An</b>		
Chia cổ tức	4.367.473.343	3.760.066.325
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP</b>		
Chia cổ tức	2.704.277.443	2.328.179.647
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An</b>		
Tiền mua nước	99.335.272.070	85.255.951.666

**Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT	519.000.000	556.283.728
Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	368.000.000	514.767.388
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	480.000.000	498.838.289
Ông Lưu Văn Cân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	83.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b><u>1.450.000.000</u></b>	<b><u>1.569.889.405</u></b>

**28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 24.824.477.420 VND (năm trước là 11.663.153.570 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, theo đó một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



**Phạm Quốc Thắng**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 06 tháng 02 năm 2023

**Nguyễn Quốc Phong**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Kim Hương**  
Người lập biểu

